

Số: 2300 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình
thuộc giai đoạn 2 dự án Trường Đại học Văn hóa,
Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý chất lượng đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3219/QĐ-UBND ngày 21/9/2009 về việc phê duyệt dự án Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa; số 3311/QĐ-UBND ngày 08/10/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh giai đoạn 1 dự án Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa và Kế hoạch đấu thầu hạng mục mương thoát nước thuộc giai đoạn 1 dự án; số 307/QĐ-UBND ngày 25/01/2011, số 354/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư giai đoạn 1 dự án Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa; Công văn số 179/UBND-THKH ngày 05/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh, mở rộng một số hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 dự án Trường Cao đẳng - Văn hóa Nghệ thuật Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2747/SKHĐT-TĐ ngày 29/6/2017 về Báo cáo kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 dự án Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 290/TTr ngày 18/4/2017 (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 dự án Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Khái quát các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 dự án

Các hạng mục thuộc giai đoạn 2 dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê

duyet tại Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 21/9/2009, bao gồm: Nhà hội trường, thư viện, ký túc xá - nhà ăn, 40% diện tích sân đường nội bộ với tổng giá trị là 40.504 triệu đồng.

Hiện nay, giai đoạn 2 của dự án chưa triển khai thực hiện.

II. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa (theo Quyết định số 1221/QĐ-TTG ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ). Do đó, để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất của nhà trường, đáp ứng cơ bản công năng của một trường đại học, Chủ tịch UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương điều chỉnh, mở rộng một số hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 dự án tại công văn số 179/UBND-TTĐH ngày 05/01/2017.

III. Nội dung điều chỉnh

1. Điều chỉnh tên dự án và tên chủ đầu tư:

- Điều chỉnh tên dự án: Từ “ Dự án Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa” thành “Dự án Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa”.

- Điều chỉnh tên chủ đầu tư: Từ “Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa” thành “Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa”.

2. Điều chỉnh hạng mục công trình

a) Điều chỉnh hạng mục nhà hội trường thành nhà hội trường, biểu diễn: Điều chỉnh công năng, quy mô diện tích sàn từ 1.950m² lên 2.160m².

- Giải pháp kiến trúc: Nhà 2 tầng, chiều cao 18,0m. Tầng 1 bố trí không gian sảnh, khán phòng 488 chỗ, tiền đài, sân khấu chính, sân khấu phụ, phòng hóa trang, kho đạo cụ, phục trang; 3 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Tầng 2 bố trí khán phòng 186 chỗ, phòng máy chiếu, phòng ánh sáng, phòng kỹ thuật, hành lang thao tác; 2 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt; giao thông đứng bằng cầu thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang bên.

- Giải pháp kết cấu: Móng đơn BTCT; hệ khung BTCT chịu lực, đổ toàn khối; tường xây gạch, trát vữa xi măng, sơn bả theo tiêu chuẩn; nền lát gạch ceramic; mái BTCT kết hợp hệ khung thép, lợp tôn, đóng trần phản âm; cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng khung nhựa lõi thép.

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

+ Diện tích xây dựng: 1.950m²;

+ Diện tích sàn: 2.160m².

b) Điều chỉnh hạng mục sân đường nội bộ theo tổng mặt xây dựng chi

tiết 1/500 được cấp thẩm quyền phê duyệt: Diện tích 6.000m²; kết cấu mặt bê tông xi măng, đá 1x2, dày 20cm.

3. Bổ sung hạng mục công trình

a) Khu trung tâm thực hành du lịch:

- Giải pháp kiến trúc: Nhà 2 tầng, chiều cao 12,4m (bao gồm cả mái cao 3,1m). Tầng 1 bố trí sảnh đón, sảnh phụ, khu thực hành nhà hàng, thực hành lễ tân, thực hành lễ hành, thực hành bar, thực hành nấu bếp, khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Tầng 2 bố trí khu thực hành gồm 9 phòng nghỉ, phòng quản lý; giao thông đứng bằng cầu thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang giữa.

- Giải pháp kết cấu: Móng đơn BTCT; hệ khung BTCT chịu lực, đổ toàn khối; tường xây gạch, trát vữa xi măng, sơn bả theo tiêu chuẩn; mái BTCT, xây tường thu hồi, gác xà gồ, lợp ngói; cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng khung nhựa lõi thép.

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

+ Diện tích xây dựng: 1.030m²;

+ Diện tích sàn: 1.340m².

b) Nhà thể dục thể thao:

- Giải pháp kiến trúc: Nhà 1 tầng, chiều cao 11,45m; diện tích sàn 514m². Mặt bằng bố trí phòng tập đa năng, phòng kho, phòng thay đồ nam, phòng thay đồ nữ, khu vệ sinh.

- Giải pháp kết cấu: Móng đơn BTCT; hệ cột BTCT; tường xây gạch, trát vữa xi măng, sơn bả theo tiêu chuẩn; mái sử dụng hệ giàn không gian, lợp tôn; cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng khung nhựa lõi thép.

4. Mức đầu tư các hạng mục điều chỉnh, bổ sung: 35.941 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 28.867 triệu đồng;
- Chi phí QLDA	: 714 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	: 2.717 triệu đồng;
- Chi phí khác	: 376 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	: 3.267 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo).

5. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm.

6. Thời gian thực hiện: Năm 2017-2020.

7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 3219/QĐ-UBND ngày 21/9/2009, số 307/QĐ-UBND ngày 25/01/2011, số 3311/QĐ-UBND ngày 08/10/2012, số 354/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, trong bước lập thiết kế bản vẽ thi công cần bổ sung bản vẽ chi tiết cửa, cầu thang thoát nạn... theo kiến nghị của Cảnh sát PCCC tỉnh tại văn bản số 118/CSPCCC-P3 ngày 25/4/2017 và cập nhật tăng cao của hạng mục nhà hội trường, biểu diễn (2 tầng) vào tổng mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa gửi UBND thành phố Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX, CN.(M7 1)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu chi tiết: MỨC ĐẦU TƯ
Một số hạng mục công trình điều chỉnh, bổ sung thuộc giai đoạn 2
dự án Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung chi phí	Cách tính		Thành tiền
		Khối lượng	Đơn giá	
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (G)			35.941,0
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG (Gxd)			28.867,0
1	Nhà hội trường, biểu diễn	2.160m ²	7,5	16.200,0
2	Khu trung tâm thực hành du lịch	1.340m ²	6,0	8.040,0
3	Nhà thể dục thể thao	514m ²	5,5	2.827,0
4	Sân, đường nội bộ	6.000m ²	0,3	1.800,0
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (Gqlđ)	$(Gxd * 2,722\%) / 1,1$		714,0
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ (Gtv)			2.717,0
1	Chi phí lập quy hoạch chi tiết 1/500 điều			170,6
2	Chi phí khảo sát			239,7
3	Chi phí lập dự án đầu tư	$Gxd * 0,88\%$		254,0
4	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự	$Gtkbvtc = Gxd * 3,219\%$		929,2
5	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	$Gxd * 0,212\%$		61,2
6	Chi phí thẩm tra dự toán	$Gxd * 0,207\%$		59,8
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng công	$Ggs = Gxd * 2,766\%$		798,5
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá IISDT	$(Gxd + Ggs + Gtkbvtc) * 0,2\%$		61,2
9	Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư	$Gqlđ * 20\%$		142,8
IV	CHI PHÍ KHÁC (Gk)			376,0
1	Lệ phí thẩm định dự án	$G * 0,0159\%$		6,1
2	Chi phí thẩm định thiết kế PCCC	$G * 0,006\%$		2,2
3	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT	$(Gxd + Ggs + Gtkbvtc) * 0,1\%$		30,6
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án	$G * 0,558\%$		200,6
5	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình	$Gxd * 0,3\%$		86,6
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan QLNN	Tạm tính		50,0
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (Gdp)	$(I + II + III + IV) * 10\%$		3.267,0